

Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright**MPP19****Học kỳ mùa Hè****TRIẾT HỌC****(4 tín chỉ)****Nhóm giảng viên**

Giảng viên: Bùi Văn Nam Sơn

Email: buivannamson@gmail.com

Thỉnh giảng: TS. Vũ Ngọc Hoàng

Email: vuhoangqnam@gmail.com

Trợ giảng: Đinh Hồng Phúc

Email: dinhhongphuc2010@gmail.com

Giờ lên lớp

Thứ ba và thứ năm: 13:30-15:00

Giờ trực văn phòng

Bùi Văn Nam Sơn: Học viên hẹn gặp trước qua email

Đinh Hồng Phúc: Thứ ba và thứ năm: 15:00-16:30

Mục tiêu của môn học:

Môn học này được thiết kế nhằm giúp học viên đọc các văn bản triết học, viết tự luận của cá nhân hoặc của nhóm về các đề tài triết học có liên quan. Qua việc nghe giới thiệu những khái niệm cơ bản của triết học, học viên sẽ có được kiến thức cơ bản, và, quan trọng hơn, nắm vững phương pháp phân tích và tổng hợp để tập thói quen nói và viết về các vấn đề triết học một cách có lý lẽ và chặt chẽ ở mức độ trừu tượng cao. Môn học cũng sẽ giúp học viên có cái nhìn đa diện, liên ngành, nhận diện các mối quan hệ ở bề sâu giữa các lĩnh vực đời sống, từ đó học tốt các môn học khác và nâng cao chất lượng của việc chuẩn bị luận văn thạc sĩ.

Mô tả môn học

Môn triết học sẽ được trình bày và thảo luận chung quanh mười (10) đề tài hay 10 khái niệm cơ bản của triết học theo kiểu “hướng đến vấn đề” (*problem - oriented*) giúp học viên có những định hướng đầu tiên về nội dung, phương pháp và tinh thần của tư duy triết học.

10 đề tài được phân chia thành hai phần, bao quát hai lĩnh vực chủ yếu của triết học: 5 đề tài thuộc lĩnh vực **triết học lý thuyết**:

- Triết học (Triết học là gì? Các chức năng của triết học; Các phân biệt cơ bản trong bộ môn Triết học nói chung)
- Ngôn ngữ (Triết học về ngôn ngữ)
- Nhận thức (Lý thuyết về nhận thức hay nhận thức luận)
- Tồn tại (Bản thể học/Siêu hình học)
- Con người (Nhân học triết học)

và năm đề tài thuộc lĩnh vực **triết học thực hành**:

- Cái Thiện (Đạo đức học)
- Cái Đẹp (Mỹ học triết học)
- Tự nhiên và Kỹ thuật (Triết học về Tự nhiên và Kỹ thuật)
- Văn hóa và Văn hóa chính trị (Triết học văn hóa và Triết học chính trị)
- Tự do và cái Chết (Triết học xã hội và Triết học về đời sống)

Học viên sẽ làm quen hai lĩnh vực này về cả hai phương diện: hệ thống và lịch sử (tức những vấn đề triết học sẽ được bàn thảo một cách *có hệ thống*, gắn liền với quá trình xử lý vấn đề ấy trong *chiều dài lịch sử* với các *truyền thống* và *chủ thuyết* khác nhau).

Mỗi buổi học sẽ gồm hai phần: trình bày của giảng viên và trao đổi, thảo luận chung của học viên.

Thành quả của học tập

Sau khi kết thúc khóa học, học viên được kỳ vọng có thể:

- Áp dụng các kiến thức được học để nâng cao năng lực lập luận, đối thoại, biết đặt những câu hỏi có tính cơ bản và phản tỉnh.
- Sử dụng các khái niệm triết học vào các lĩnh vực khoa học và đời sống một cách chính xác và phù hợp để cải thiện chất lượng lập luận của mình.
- Chủ động phát hiện vấn đề và đề tài có liên quan đến các môn học khác theo thói quen tư duy toàn diện và phức hợp.
- Nâng cao năng lực đọc hiểu các văn bản triết học trừu tượng, trình bày – bằng ngôn ngữ nói và viết – các bài nghiên cứu và luận văn một cách chặt chẽ.
- Học viên sẽ tìm thấy sự hứng thú trong suy tư triết học, tự làm phong phú cho đời sống tinh thần của mỗi người bằng thói quen suy nghĩ độc lập, có lý lẽ, trong tinh thần khai phóng và đối thoại.
- Nâng cao ý thức về các vấn đề đạo đức và nhân bản trong việc hoạch định chính sách với ý thức trách nhiệm công dân cao.

Yêu cầu và chấm điểm

- Học viên cần đọc các tài liệu bắt buộc (đánh dấu * sau mỗi bài giảng) trước khi đến lớp, chuẩn bị các câu hỏi để tích cực tham gia trao đổi, thảo luận. Cố gắng đọc các tài liệu tham khảo còn lại trước, trong hoặc sau bài giảng để nâng cao kiến thức.
- Tôn trọng thời khóa biểu, có mặt đúng giờ và hoàn tất các bài làm đúng ngày quy định.
- Điểm tổng hợp của học viên được tính theo trọng số như sau:
 - Tham gia lên lớp: 20%
 - Bài tự luận trước khi tham gia khóa học (*Prewrite*): 20% (**nộp bài muộn nhất là 8:20, ngày 14.08.2018**)

Bài tự luận (*Prewrite*) (khoảng 1000 chữ) được học viên chọn một trong hai đề sau đây:

- a. Theo bạn, triết học là gì và gồm những vấn đề nào?
 - b. Bình luận về câu sau đây của Plutarch (triết gia Hy Lạp, 46-120): “*Tinh thần không phải là một bình chứa cần được lấp đầy, mà là một khối trầm cần được đốt lên*”.
- Tự luận **hoặc** công trình của Nhóm (độ 4-5 người) (*Afterwork*): 60%

Khuyến khích chọn cách thứ hai: lập Nhóm (độ 4-5 người), tự chọn một đề tài triết học yêu thích, hoàn thành hai bài:

- a) Biên bản thảo luận
- b) Ý kiến của của Nhóm

Hai bài của mỗi Nhóm sẽ được **các Nhóm còn lại** đọc, bình luận và **cho điểm** (thang điểm: 1-10). Ban giảng viên sẽ tổng kết và cho điểm chung quyết. Sau khi nhận điểm chung quyết (60%) từ Ban giảng viên, các Nhóm sẽ tự phân chia điểm cho từng thành viên trong Nhóm của mình, điểm sẽ phản ánh khả năng đóng góp của mỗi người.

Các quy định về nộp bài, khiếu nại, đạo văn, gian lận trong làm bài và thi cử, hay các trường hợp đặc biệt được quy định trong Sổ tay học viên đã phát.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

I. TRIẾT HỌC (Thứ ba, ngày 7/8/2018)

1. Phân biệt:

- Câu hỏi đời thường?
- Câu hỏi khoa học?
- Câu hỏi triết học?

2. Triết học và loại câu hỏi phổ quát: là gì? từ đâu? để làm gì? đi về đâu? liên quan đến:

- Nền tảng của thực tại và của năng lực tư duy
- Nền tảng của quan hệ giữa người với người
- Nền tảng của thân phận làm người

3. Ba hệ hình (*paradigms*) của tư duy triết học từ loại câu hỏi phổ quát nói trên:

- Hệ hình bản thể học (*ontological paradigm*): Thực tại (*reality*) / Tồn tại (*being*) là gì?
- Hệ hình tâm thức học (*mentalist paradigm*): Ta có thể biết gì? / làm thế nào để biết được?
- Hệ hình ngôn ngữ học (*linguistic paradigm*): Ta có thể nói gì? / Đây là ý nghĩa của từ được ta nói ra?

4. Bốn câu hỏi cơ bản của Immanuel Kant (1724-1804):

- Tôi có thể biết gì?
- Tôi phải làm gì?
- Tôi được phép hy vọng gì?
- Con người là gì?

5. Các phân biệt cơ bản trong triết học:

- Triết học Đông phương và Triết học Tây phương
- Triết học lý thuyết vs Triết học thực hành (mô tả / *descriptive* vs quy phạm / *normative*)
- Lịch sử triết học vs Triết học hệ thống
- Triết học lục địa (Âu Châu) vs Triết học phân tích (Anh-Mỹ)
- Triết học và các khoa học riêng lẻ:
 - Ngôn ngữ học vs Triết học ngôn ngữ
 - Khoa học tự nhiên vs Triết học tự nhiên
 - Khoa học tri nhận (não bộ) vs Triết học tinh thần
 - Sử học vs Triết học lịch sử
 - Chính trị học vs Triết học chính trị
 - Xã hội học vs Triết học xã hội
 - Tôn giáo học vs Triết học tôn giáo
 - Nghệ thuật học vs Triết học nghệ thuật (hay Mỹ học triết học)
 - v.v.

- Triết học và Nghệ thuật
- Triết học có phải là khoa học?

6. Ba chức năng của Triết học:

- Khai minh (*enlightenment*)
- Điều hòa (cân đối các lối nhìn) hay Triết học và lương năng thông thường (*Common Sense*)
- Hướng dẫn hành động

7. Bài đọc và tài liệu tham khảo:

- * Bùi Văn Nam Sơn, *Trò chuyện triết học*, Tập 1, NXB Tri thức, 2017, tr. 13-83.
- Trần Văn Toàn. *Hành trình đi vào triết học*. Nxb. Tri thức, 2012.
- Nermi Uygur. “What is a Philosophical Question?” trong *Mind*, New Series, Vol. 73, No. 289 (Jan., 1964), pp. 64-83
- What is Philosophy?
Link: https://www.philosophybasics.com/general_what_is.html

II. NGÔN NGỮ (Thứ năm, ngày 09/8/2018)

1. Tại sao tư duy triết học ngày nay cần bắt đầu bằng việc phân tích và phê phán ngôn ngữ? Phải chăng cấu trúc khách quan, công khai của nhận thức không thể ở trong ý thức mà ở trong ngôn ngữ, vì ngôn ngữ là hiện tượng liên-chủ thể (*intersubjective*) giữa Tôi-Bạn và Thế giới? Phân biệt giữa “sai lầm” và “hiểu lầm”?
2. Hai quan niệm về quan hệ giữa ngôn ngữ và nhận thức:
 - Quan niệm ma thuật (*magic*) về ngôn ngữ:
 - Tu từ: quyền lực của ngôn từ
 - Duy lý: tin vào sức mạnh của luận cứ và lập luận
 - Quan niệm huyền học (*mystic*) về ngôn ngữ:
 - Sự bất lực của ngôn ngữ như là trở ngại để trực nhận và hợp nhất với đối tượng.
3. Phân tích cấu trúc của ngôn ngữ chính là phê phán và ngăn ngừa khả năng lạm dụng ngôn ngữ
4. “Nói” là “Hành động”:
 - Ngày nay, triết học không còn bắt đầu *trực tiếp* với Tồn tại hay *gián tiếp* với nhận thức mà thông qua *phương tiện bên ngoài* (ngôn ngữ) nhờ đó có thể triết lý về tồn tại và nhận thức?
 - Từ ngôn ngữ cơ thể đến ngôn ngữ nói và viết: tất cả đều là *hành động*?

- Hành vi ngôn ngữ (*Speech act*) (Roger Searle *1932) / Trò chơi ngôn ngữ (*Sprachspiel / language game*) (Ludwig Wittgenstein, 1889-1951): diễn đạt ngôn ngữ theo những quy tắc nhất định, phục vụ các mục đích khác nhau giống như trong hành động.

5. Ba chức năng của hành vi ngôn ngữ:

- Mô tả (descriptive)
- Diễn tả (expressive)
- Hướng dẫn hành động

6. Lời và ý nghĩa:

- Làm sao đi từ hình thức bên ngoài (lời) đến nội dung ý nghĩa bên trong?
- Cú pháp học (*Syntax*): quan hệ giữa các từ với nhau
- Ngữ nghĩa học (*Semantics*): quan hệ giữa từ và vật
- Ngữ dụng học (*Pragmatics*): quan hệ giữa từ và người sử dụng
- (Các) tam giác ký hiệu học?

7. Bài đọc và tài liệu tham khảo:

- * Bùi Văn Nam Sơn, *Trò chuyện triết học*, tập I, NXB Tri thức, 2017, “Lưỡi không xương”, tr. 127 và tiếp.
- * Philosophy of Language (Wikipedia).
Link: https://en.wikipedia.org/wiki/Philosophy_of_language
- Max Black. “Wittgenstein's Language-games” in *Dialectica*, Vol. 33, No. 3/4 (1979), pp. 337-353.

III. NHẬN THỨC (thứ ba, ngày 14/8/2018)

1. Lược sử về nhận thức luận (*Theory of Knowledge / Epistemology*):

- Mô tả và phân loại (Aristoteles, 384-322 tr. CN)
- Đi con đường quy nạp (*induction*) để tìm ra định luật tự nhiên (Francis Bacon, 1561-1621)
- Điều kiện chủ quan của nhận thức cũng là điều kiện để có được đối tượng của nhận thức (I. Kant, 1724-1804).

2. Tri giác cảm tính (*sensual perception*) và năng lực suy luận của lý tính (*Reason*) thông qua luận cứ (*Argument*) và lập luận (*Argumentation*)

3. Hai loại suy luận chủ yếu: diễn dịch và quy nạp

4. Chỗ mạnh và chỗ yếu của suy luận diễn dịch (*deduction*)

5. Chỗ mạnh và chỗ yếu của suy luận quy nạp (“*Problem of Induction*”)

6. Mô hình “diễn dịch-giả thuyết” (*Hypothetico-deductive Model*) và phương pháp kiểm sai (*Falsification*) của Karl Popper (1902-1994).

7. Bài đọc và tài liệu tham khảo:

- * Bùi Văn Nam Sơn, *Trò chuyện triết học*, tập I, NXB Tri thức, 2017, tr. 147-205.
- * Falsifiability (Wikipedia). Link: <https://en.wikipedia.org/wiki/Falsifiability>
- Robert Wachbrit, “A Note on the Difference between Deduction and Induction” in *Philosophy & Rhetoric*, Vol. 29, No. 2 (1996), pp. 168-178.

IV. TỒN TẠI (BEING) (Thứ năm, ngày 16/8/2018)

1. Bốn ý nghĩa của từ “LÀ”:

- Nghĩa cơ bản: sự hiện hữu (*existence*)
- Ba nghĩa phụ trợ mang tính “hệ từ” (*copulative*): “là” cái gì đó; là thành viên của một “lớp” (class) tồn tại và có quan hệ tùy thuộc với “lớp” ấy.
- Tại sao nghiên cứu về sự hiện hữu *xét như* sự hiện hữu như thế không giống với sự nghiên cứu của các khoa học riêng lẻ?

2. Hiện hữu và sự kiện:

- Hiện hữu thực tồn (*real existence*): được hoặc có thể được nhận thức bằng tri giác cảm tính;
- Hiện hữu thực tồn hiện hữu trong quan hệ với những hiện hữu thực tồn khác thông qua *những phạm trù (categories)*;
- Ta gọi quan hệ nối kết ấy là *sự kiện (fact)*: vì thế, ta không nói sự kiện “tồn tại” (*is*), mà là “có như thế” (*is the case*) → Ludwig Wittgenstein (1889-1951): “Thế giới là tất cả những gì có như thế. Thế giới là tổng thể những sự kiện, chứ không phải tổng thể những sự vật”.

Câu hỏi: “cái gì hiện hữu?” có thể phát biểu chính xác thành: “Có những sự kiện gì?”.

3. Sự kiện vật lý và sự kiện tâm lý:

- Tri giác bên ngoài và tri giác bên trong;
- Thuộc tri giác bên trong là *những sự kiện tâm lý* hay *những sự kiện của ý thức* theo nghĩa rộng;
- Ta có thể định vị chính xác tiến trình của não bộ và thậm chí cả vận động của cặp mắt khi ta nằm mơ, nhưng tại sao không một ai khác có thể mơ giấc mơ của tôi?

4. Hiện hữu ngữ nghĩa (*semantic existence*) và Sự kiện ngữ nghĩa (*semantic fact*):

- Hiện hữu ngữ nghĩa (khác với Hiện hữu thực tồn) và Sự kiện ngữ nghĩa (khác với Sự kiện thực tồn) là do con người tùy tiện tạo ra đến vô tận;

5. Sự tồn tại của những cái phổ quát (*Universals*), của những vật giả tưởng và của Hư vô?

6. Môi quan hệ giữa thế giới thực tồn và thế giới ngữ nghĩa?

7. Bài đọc và tài liệu tham khảo:

* Bùi Văn Nam Sơn: “Tồn tại và Dấn thân: hai nẻo đường của thuyết nhân bản”, trong *Trò chuyện triết học*, tập 3, NXB Tri thức, 2017.

- Jean-Paul Sartre, “Về sự hiện hữu” trong *Buồn nôn*. Phùng Thăng dịch. Phiên bản điện tử: http://triethoc.edu.vn/vi/truong-phai-triet-hoc/chu-nghia-hien-sinh/ve-su-hien-huu_727.html

- “A History of the Notion of Being in the West”:
<http://www.newworldencyclopedia.org/entry/Being>

- John Wild. “The Concept of Existence”, in *The Monist*, Volume 50, Issue 1, 1 January 1966, pp. 1–16.

V. CÁI THIÊN (Thứ ba, ngày 21/8/2018)

1. Cái Thiên đạo đức và cái Tốt bên ngoài đạo đức:

- Cái Tốt là tương đối hay có tính công cụ
- Cái Thiên có ý nghĩa tuyệt đối hay đạo đức
- Nghiên cứu về cái Thiên đạo đức là Đạo đức học (*Ethics*)
- Phân biệt *Luân lý (Moral)* như là những quy điều, không chỉ có tính đánh giá và còn khuyên răn, ngăn cấm hoặc cho phép với *Đạo đức học (Ethics)* **bàn về** những quy điều ấy. Ta có thể gọi Đạo đức học là Siêu (lý thuyết) về luân lý hay Siêu đạo đức học (*Metaethics*).

2. Hai (siêu) lý thuyết về cái Thiên đạo đức:

- Thuyết tri nhận (*cognitivism*)
- Thuyết duy cảm xúc (*emotivism*)

3. Chỗ mạnh và yếu của thuyết tri nhận:

- Hiện tượng đạo đức được nhìn nhận như một sự kiện khách quan?
- Vậy làm thế nào nhận thức được như thế?
- Từ “sự kiện khách quan” làm sao suy ra tính chất “quy phạm” (bắt buộc) của mệnh lệnh đạo đức?

4. Chỗ mạnh và yếu của thuyết duy cảm xúc:

- Mệnh đề đạo đức không có nội dung tri nhận khách quan mà chỉ là cách diễn tả xúc cảm chủ quan của ta?
- Nhưng làm sao xúc cảm chủ quan có thể là cơ sở cho mệnh lệnh đạo đức có tính phổ quát và tất yếu?

5. Thuyết định chế (*institutionalism*) có thể là giải pháp cho sự xung đột giữa hai thuyết trên?

6. Đạo đức học quy phạm:

- Khái niệm “cái Thiên” là cơ sở của đạo đức?

- Cái Thiện và cái Hữu ích (Đạo đức học nghĩa vụ vs Đạo đức học công lợi)
- Đạo đức tối thiểu và Đạo đức tối đa

7. Bài đọc và tài liệu tham khảo:

- * Bùi Văn Nam Sơn “Mấy lời giới thiệu của người dịch: “Phê phán lý tính thực hành” và sự phản tư đạo đức học”, trong Immanuel Kant, *Phê phán lý tính thực hành*, Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải, NXB Tri thức 2007, tr. XI – LX.
- * Bùi Văn Nam Sơn, “M.E và đối thoại triết học,” *Trò chuyện triết học*, tập 6, NXB Tri thức, 2017, tr. 118-149.
- Ethics (Wikipedia). Link: <https://en.wikipedia.org/wiki/Ethics>

VI. CÁI ĐẸP (Thứ năm, ngày 23/8/2018)

1. Phân biệt:
 - Phán đoán nhận thức
 - Phán đoán đạo đức
 - Phán đoán thẩm mỹ
2. Cái Đẹp và cái Cao cả nơi I. Kant
3. Cái Đẹp và cái Cao cả sau I. Kant
4. Lịch sử hóa cái Đẹp
5. Các phạm trù chống lại cái Đẹp và tâm thức hậu hiện đại
6. Thế nào là “kinh nghiệm thẩm mỹ”?

7. Bài đọc và tài liệu tham khảo:

- * Bùi Văn Nam Sơn “Mấy lời giới thiệu của người dịch”, trong Immanuel Kant *Phê phán năng lực phán đoán*, Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải, Nxb. Tri thức 2007, tr. XV – LXXIX.

VII. CON NGƯỜI (Thứ ba, ngày 28/8/2018)

1. Ba định nghĩa cổ điển về con người:
 - Là động vật có tư duy và ngôn ngữ (Aristoteles)
 - Là hình ảnh của Thượng đế (Kinh Thánh)
 - Là sinh vật tự do, không bị quy luật nào quy định (Pico della Mirandola, 1463-1494)
2. Phê phán ba định nghĩa trên:

- Nicolaus Copernicus (1473-1543): quả đất không phải là trung tâm của vũ trụ?
- Charles Darwin (1802-1882): con người tiến hóa từ những hình thức kém phát triển hơn?
- Sigmund Freud (1856-1939): “Cái Tôi không phải là chủ nhân trong ngôi nhà của chính mình”?

3. Đánh giá về ba phê phán trên

4. Con người và thú vật

5. Có thể bàn về bản chất con người?

7. Bài đọc và tài liệu tham khảo:

- * Bùi Văn Nam Sơn, “Con Người Tự Nhiên Văn hóa” trong *Trò chuyện triết học*, tập 2, NXB Tri thức, 2017, tr. 7-30.

VIII. TỰ NHIÊN VÀ KỸ THUẬT (Thứ năm, ngày 30/8/2018)

1. Lược sử quan niệm về giới Tự nhiên:

- Tự nhiên như là phương thức tồn tại (*mode of being*)
- Tự nhiên như là toàn bộ các hiện tượng: lĩnh vực của sự tất yếu
- Tự nhiên như là sản phẩm của Thượng đế
- Tự nhiên như là quy phạm

2. Ba thái độ trước Tự nhiên:

- Thái độ lý thuyết
- Thái độ thực hành
- Thái độ thẩm mỹ

3. Ba cách ứng xử với Tự nhiên:

- Xem Tự nhiên như thực tại khách quan
- Xem Tự nhiên như đối tượng để khuất phục
- Xem Tự nhiên như môi trường sống, cần được bảo vệ và chăm sóc

4. Sự đối lập của Tự nhiên

- *Physis - Techne*
- *Physei - Thesei*
- Bản thể quang tính - Bản thể tư duy (René Descartes, 1596-1650)
- Tự nhiên - Tự do (I. Kant)
- Vượt khỏi sự đối lập và nhị nguyên (*dualism*) trong triết học duy tâm Đức
- Viễn tượng hòa giải với Tự nhiên

5. Kỹ thuật và công nghệ

- Ba chức năng (biến đổi, chuyên chở, tích trữ) và chín lĩnh vực của “hệ thống kỹ thuật”
- “Tính kỹ thuật” (*technicity*) là gì?

6. Phê phán và biện minh cho tiến bộ kỹ thuật và công nghệ

7. Bài đọc và tài liệu tham khảo:

- * Bùi Văn Nam Sơn, “Kỹ thuật và Công nghệ”, trong *Trò chuyện triết học*, tập 2, NXB Tri thức, 2017, tr. 171-213.
- Philosophy of Technology (Wikipedia).
- Link: <https://plato.stanford.edu/entries/technology/>

IX. VĂN HÓA VÀ LÝ TÍNH GIAO TIẾP (Thứ ba, ngày 4/9/2018)

1. Văn hóa luận vs Tự nhiên luận

- Trong văn hóa, đâu là yếu tố tự nhiên (*phýsei*), đâu là yếu tố do con người đặt định (*thesei*)?
- Văn hóa là sản phẩm hư hỏng cần phê phán, đồng thời là giá trị đáng mong ước?
- Tự nhiên là tốt lành, nhưng phải là một Tự nhiên được văn hóa hóa, không còn thô lậu, hoang dã?
- “Trạng thái tự nhiên” (“*State of Nature*”) được giả định là chuẩn mực, nhưng cần phải được thoát ly để có tiến bộ?

2. Văn hóa như là... tha hóa?

- Tha hóa (*alienation*) là “tự-tha hóa”, như là thành tựu văn hóa đầu tiên của con người?
- Viễn cảnh triết học lịch sử: hòa giải giữa Tự nhiên/Văn hóa (vì con người hoang dã là vô lịch sử, bởi đồng nhất với tự nhiên)?
- Mô hình “hợp nhất – phân ly – hòa giải” (duy tâm Đức, Marx): nhân hóa Tự nhiên và tự nhiên hóa con người là “lời giải cho câu đố của lịch sử”?
- Phê phán văn hóa nhưng không phủ định và thù địch với văn hóa?

3. Tha hóa như là... văn hóa?

- Sự tự do và năng lực tự hoàn thiện là nền tảng của đạo đức và giá trị văn hóa?
- Phê phán văn hóa trở thành sự phản tỉnh toàn diện của con người hiện đại?

4. Có hai văn hóa?

- Khoa học tự nhiên vs khoa học nhân văn?
- Văn hóa lao động/tạo tác vs văn hóa hành động (Hannah Arendt, 1906-1975)?

5. Lý tính giao tiếp (*communicative Reason*) và hiện đại hóa văn hóa (Jürgen Habermas (1929-):

- Ba đặc trưng của văn hóa hiện đại:
 - Tự khẳng định giá trị

- Phi trung tâm hóa
- Phản tỉnh toàn diện
- Lý tính giao tiếp vs Lý tính công cụ
- Đạo đức học diễn ngôn (*Discourse Ethics*) vs sự Thuộc địa hóa thế giới đời sống

6. Văn hóa chính trị:

- “Văn hóa chính trị là *phương diện chủ quan* trong cơ sở xã hội của hệ thống chính trị và lấp khoảng trống giữa cá nhân và hệ thống” (Gabriel Almond / Sidney Verba):
- Văn hóa chính trị tiền hiện đại có tính cục bộ, thiển cận;
- Văn hóa chính trị thần dân: chỉ quan tâm đến “đầu ra” (“*output*”) của hệ thống chính trị;
- Văn hóa chính trị tham dự: quan tâm đến “đầu vào” (“*input*”) của mọi thành viên xã hội;
- Ba định hướng trong văn hóa chính trị:
 - Nhận thức (hiểu rõ về hệ thống chính trị);
 - Tình cảm (chia sẻ quy trình minh bạch hóa và kiểm soát)
 - Đánh giá (tin cậy/không tin cậy vào việc ban hành chính sách)
- Các dấu hiệu của nền văn hóa chính trị lành mạnh
- Lòng tin (giá trị vật chất và hậu vật chất) là yếu tố then chốt trong văn hóa chính trị

7. Bài đọc và tài liệu tham khảo:

- * Bùi Văn Nam Sơn: *Giữa Tự nhiên và Văn hóa*, Trò chuyện triết học, tập 2, NXB Tri thức, 2017, tr. 94-164.
- * Bùi Văn Nam Sơn, “Văn hóa và Văn hóa chính trị”, Trò chuyện triết học, tập 3, NXB Tri thức 2017, tr. 150 và tiếp.
- Andrew Edgar. “Colonisation of lifeworld”, “Communicative Reason”, trong *Habermas: The Key Concepts*. Nxb. Routledge, 2006, pp. 17-21, 23-26.
- Gabriel Almond & Sidney Verba: *The Civic Culture*, 1963, 1918. Link: https://en.wikipedia.org/wiki/The_Civic_Culture

X. TỰ DO VÀ CÁI CHẾT (Thứ năm, ngày 6/9/2018)

1. Tự do từ Tây sang Đông
2. Tự do siêu nghiệm (*transcendental*) là gì?
3. Tự do xã hội và chính trị như là “các quyền tự do”
4. Tự do và giải thoát
5. Khái niệm về cái chết sinh học
 - Định nghĩa và các tiêu chuẩn

6. Khái niệm triết học về cái chết

7. Cái chết và sự bất tử

8. Bài đọc và tài liệu tham khảo:

- * Bùi Văn Nam Sơn, “Sáng mai xõa tóc thả thuyền ta chơi”, *Trò chuyện triết học*, tập 1, NXB Tri thức 2017, tr. 84-88.
 - * Bùi Văn Nam Sơn, “Bất hoại như những vì sao”, “Thước đo của tự do” trong *Trò chuyện triết học*, tập 1, NXB Tri thức 2017.
 - John Stuart Mill, *Bàn về Tự do*, Nguyễn Văn Trọng dịch, Nxb. Tri thức, 2012.
 - Francis C. Wade. “The Concept of Freedom” in *The Review of Metaphysics*, Vol. 10, No. 2 (Dec., 1956), pp. 273-281.
 - Death. Link: <https://en.wikipedia.org/wiki/Death>
 - Mike Sutton: “The Concept of Death in Philosophy and Experience: Martin Heidegger, Thomas Nagel and Philip Gould”.
Link: <https://theoxfordphilosopher.com/2016/08/03/the-concept-of-death-in-philosophy-and-experience-martin-heidegger-thomas-nagel-and-philip-gould/>
-

XI. Thỉnh giảng: Thứ sáu, ngày 7/9/2018

Khách mời: TS. Vũ Ngọc Hoàng

Chủ đề: Sẽ thông báo sau